

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thanh

2. Ông Nguyễn Phú Hữu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2021 về *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2021/QĐST-DS ngày 11/11/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 266/TB-TA ngày 22/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn B T, sinh năm 1984;

2. Bị đơn: Chị Trương Thị T H, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, Tổ B, khóm MT, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh B T có mặt, chị T H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Văn B T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn B T và chị Trương Thị T H có tìm hiểu, quen biết nhau trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại UBND Phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu anh B T với chị T H sống hạnh phúc. Đến năm 2012, thì anh B T với chị T H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng không có tiền, nên thường hay dẫn đến cự cãi, anh B T nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với chị T H nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do tình cảm không hàn gắn được nên chị T H đã bỏ nhà ra đi từ năm 2016 cho đến nay không

rõ tung tích, anh có hỏi bên gia đình của chị T H, nhưng gia đình chị T H nói không biết chị T H đã bỏ đi đâu. Từ năm 2018 cho đến nay, anh B T đã đăng lên Báo Nhân dân và Đài tiếng nói Việt Nam để tìm kiếm chị T H và yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị T H.

Nhận thấy đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay chị H cũng đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐST-VDS ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Nên anh Lê Văn B T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị T H.

Về con chung: Anh Lê Văn B T và chị Trương Thị T H có 01 con chung tên Lê T P, sinh ngày 06/01/2012. Hiện nay cháu T P đang sống chung với anh B T, được anh B T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh B T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T P, không yêu cầu chị T H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trương Thị T H đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐST-VDS, ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Theo kết quả xác minh của Công an phường Mỹ Phú: *Đương sự Trương Thị T H, sinh ngày 15/8/1992 có đăng ký thường trú tại địa phương. Từ ngày 16/9/2021 đến nay đương sự Trương Thị T H thực tế không có sinh sống tại địa chỉ trên.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn B T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn chị Trương Thị T H có địa chỉ tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T H được Tòa án tuyên bố mất tích và đã được tổng đạt hợp lệ tại địa chỉ nêu trên nhưng chị T H không có mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Lê Văn B T và chị Trương Thị T H kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa anh B T và chị T H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh B T trình bày là do phát sinh mâu thuẫn nên năm 2016, chị T H đã bỏ đi, không biết đi đâu. Tháng 3/2021, anh B T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích đối với chị Trương Thị T H, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại số A, đường T, Tổ B, khóm M, phường M thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 16/9/2021, Tòa

án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐST-VDS tuyên bố chị Trương Thị T H, sinh năm 1992, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại số A, đường T, Tổ B, khóm M, phường M thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mất tích và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thì chị T H vẫn vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn B T đối với chị Trương Thị T H.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Văn B T và chị Trương Thị T H có 01 con chung tên Lê T P, sinh ngày 06/01/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị T H bỏ đi, cháu Phát do anh B T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy ý kiến cháu Phát, cháu có nguyện vọng sống cùng với cha là anh Lê Văn B T. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh B T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phát, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh B T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh B T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn B T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn B T. Anh Lê Văn B T được ly hôn với chị Trương Thị T H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn B T. Anh Lê Văn B T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê T P, sinh ngày 06/01/2012, hiện tại đang sống chung với anh Lê Văn B T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn B T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn B T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005051 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Anh Lê Văn B T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn B T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trương Thị T H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- UBND phường M (giấy ĐKKH số 57, ngày 18/7/2011);
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Hồng